

What are living things?

Vocabulary 1

A. Watch the video and answer the question below:



Write 5 living things you see in the video.

Write 5 nonliving thing you see in the video.

B. Translate these Vietnamese sentences to English:

1. Những thứ có sự sống có thể lớn lên và thay đổi.
2. Những thứ có sự sống có thể hít thở không khí.
3. Thực vật cũng là những thứ có sự sống. Thực vật tạo ra thức ăn cho chúng từ ánh sáng mặt trời, nước và không khí.
4. Những thứ không có sự sống không cần thức ăn, không khí hay nước.